

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh từ đầu phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản, với thanh khoản tăng mạnh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi lợi suất trái phiếu Chính Phủ Mỹ và DXY tiếp tục tăng cao

[Thông tin doanh nghiệp]

NVL, DGW

[Cập nhật công ty]

DGC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị khống chế tỷ trọng ở mức an toàn và chỉ mở mua trở lại nếu vùng hỗ trợ đã đề cập tiếp tục được bảo lưu.

04/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	997.15	-2.22
VN30	997.92	-2.53
HĐTL VN30F1M	980.00	-2.11
HNXIndex	204.56	-2.93
HNX30	334.77	-4.08
UPCoM	74.26	-1.85
USD/VND	24,851	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.93	-3
Lãi suất qua đêm (%)	5.99	-1
Dầu (WTI, \$)	90.04	+2.12
Vàng (LME, \$)	1,646.86	+1.07



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 997.15 (-2.22%)
KLGD (triệu CP) 752.7 (+101.3%)
GTGD (triệu US\$) 511.7 (+61.6%)

HNXIndex 204.56 (-2.93%)
KLGD (triệu CP) 77.2 (+83.4%)
GTGD (triệu US\$) 37.2 (+72.7%)

UPCoM 74.26 (-1.85%)
KLGD (triệu CP) 42.5 (+101.7%)
GTGD (triệu US\$) 14.9 (+82.6%)

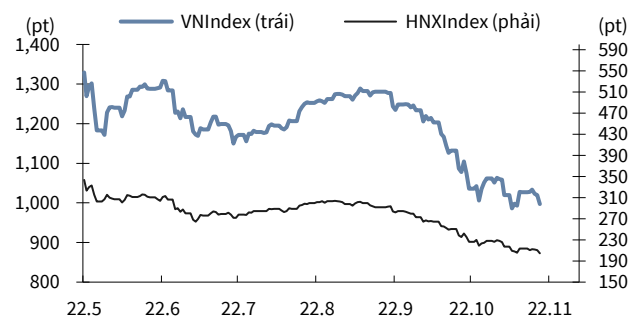
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -0.2

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh từ đầu phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản, với thanh khoản tăng mạnh. Khối ngoại bán ròng ở HPG (-3.6%), HDB (-3.8%), GMD (+3%).

Theo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Thị Hồng, việc mở rộng tín dụng cho bất động sản sẽ gây khó khăn cho Ngân hàng Nhà nước trong việc đạt được mục tiêu chính sách tiền tệ, và nhận định tín dụng đối với bất động sản tiềm ẩn rủi ro cần kiểm soát, cổ phiếu ngành bất động sản giảm ở DXG (-6.9%), NLG (-6.9%).

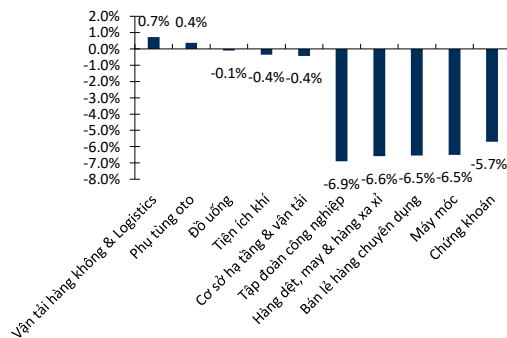
Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết giá cao su xuất khẩu bình quân liên tục sụt giảm do thị trường thế giới biến động, sức tiêu thụ tại Trung Quốc chậm lại trong khi nguồn cung dự báo dư thừa, cổ phiếu ngành cao su giảm ở PHR (-6.3%), DPR (-2.7%).

VNIndex & HNXIndex



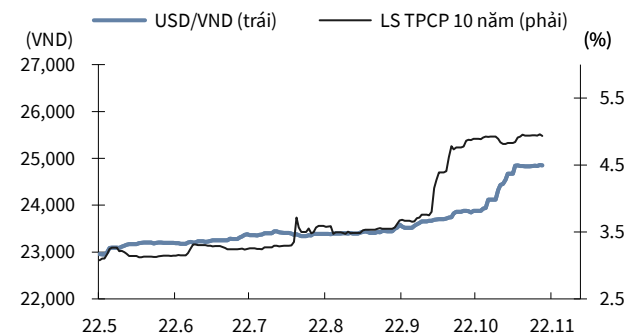
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

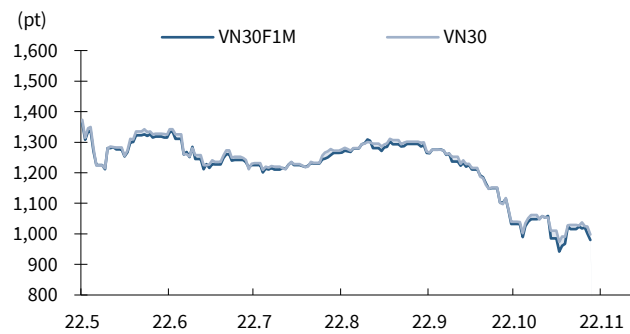
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	997.92 (-2.53%)
VN30F1M	980.0 (-2.11%)
Mở cửa	995.2
Cao nhất	996.2
Thấp nhất	958.1

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi lợi suất trái phiếu Chính Phủ Mỹ và DXY tiếp tục tăng cao. Chênh lệch F2211 và chỉ số VN30 giảm xuống mức -37 điểm trong đầu phiên sau đó thu hẹp dần và biến động với biên độ rộng trong khoảng -24.57 và -3.65 điểm, đóng cửa ở mức -17.92 điểm. Khối lượng giao dịch tăng và tiếp tục ở mức cao.

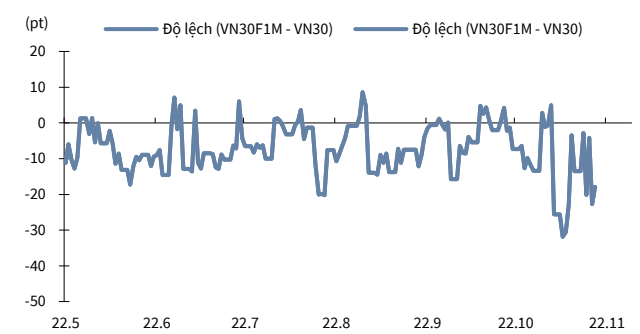
KLGD (HĐ) **494,192 (+0.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



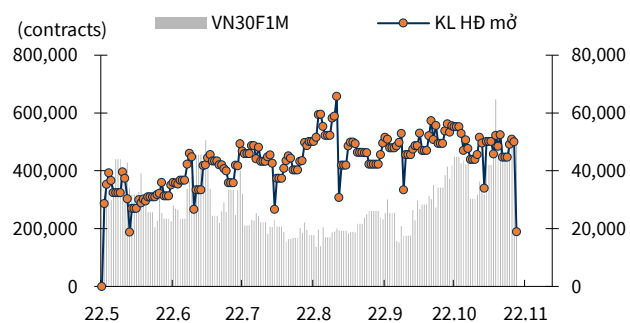
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



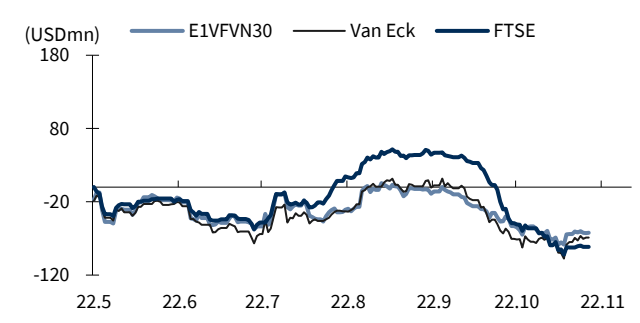
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

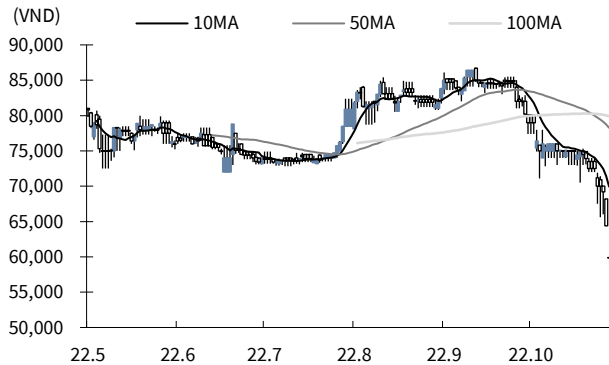
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

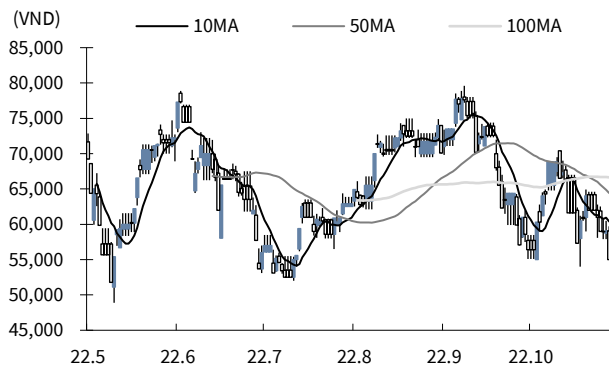
Novaland (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL giảm 7% xuống 59,900 VND/cp
- CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va công bố nghị quyết hủy ngày đăng ký cuối cùng 4/11/2022 thực hiện quyền phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn chủ sở hữu đã được phê duyệt tại các nghị quyết trước đó.
- Novaland cho biết phương án phát hành không còn phù hợp với tình hình hiện tại. HĐQT cam kết sẽ xin ý kiến ĐHĐCĐ về thời điểm triển khai phương án phát hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.

Digiworld (DGW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DGW giảm 6.9% xuống 55,000 VND/cp
- Digiworld đặt mục tiêu quý 4 doanh thu thuần đạt 7,500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 300 tỷ, lần lượt giảm 5% và 8% so với nền so sánh cao của cùng kỳ năm ngoái.
- Digiworld cho biết, động lực tăng trưởng quý IV đến từ việc ký kết hợp đồng với Nova Service. Qua đó, khi khách hàng mua bất động sản, họ sẽ được nhận voucher của Digiworld, hoặc công ty sẽ cung cấp các sản phẩm điện tử khi dự án đã hoàn thiện.

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)

Cập nhật kết quả kinh doanh 3Q2022

04/11/2022

 Chuyên viên phân tích Thái Hữu Công
 congth@kbsec.com.vn

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 3Q2022 tăng lần lượt 75.6% YoY và 210.13% YoY

DGC ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế quý 3/2022 lần lượt ở mức 3695.88 tỷ đồng (+75.46% YoY) và 1513.70 tỷ đồng (+210.13% YoY). DGC hiện đã hoàn thành 93.52% kế hoạch năm 2022 về doanh thu và vượt 40% kế hoạch lợi nhuận. Mặc dù vậy, doanh thu và lợi nhuận của DGC nhiều khả năng đã đạt đỉnh trong 2Q2022 và có xu hướng giảm dần trong thời gian tới.

Giá phốt pho vàng phục hồi tích cực sau khi Trung Quốc tiến hành cắt sản lượng sản xuất tại Vân Nam

Nguồn cung phốt pho vàng tại Trung Quốc có xu hướng bị siết chặt sau khi tỉnh Vân Nam ban hành "Kế hoạch quản lý hiệu quả năng lượng đối với các ngành tiêu thụ nhiều điện năng từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023", sản lượng sản xuất phốt pho vàng của Vân Nam giảm xuống mức 805 tấn/ngày, -40% so với giữa tháng 9 và khiến cho giá phốt pho vàng trung bình tại Vân Nam và Quý Châu tăng lên mức 36,375 RMB/tấn, +13,67% MoM.

Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm đầu ra của DGC đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ diễn biến của thế giới

Tuy nhiên, giá phốt pho vàng và các loại phân bón gốc phốt phát khó có nhiều đột biến trong ngắn hạn khi mà nhu cầu tiêu thụ vật tư nông nghiệp đang có xu hướng hạ nhiệt, tương đồng với diễn biến của giá các loại nông sản trên thế giới. Bên cạnh đó, lạm phát tăng mạnh ở các nước phát triển cũng tác động tiêu cực lên việc sản xuất linh kiện điện tử, chất bán dẫn và gián tiếp là các nguyên liệu đầu vào, trong đó có phốt pho vàng và axit phosphoric điện tử.

Khuyến nghị MUA với mức giá mục tiêu 97,500 VND/cp

Dựa trên định giá FCFF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu DGC. Giá mục tiêu là 97,500 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 33.2% so với mức giá đóng cửa ngày 03/11/2022.

MUA

Giá mục tiêu 97,500 VND/cp

Tăng/giảm (%)	33.20%
Giá hiện tại (03/11/2022)	73,200
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	27,799/1219

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022A	2023F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	6,236	9,550	14,338	11,564
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	1,021	2,651	6,502	3,314
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	907	2,389	5,837	3,000
EPS (VNĐ)	5,733	13,125	15,370	7,899
Tăng trưởng EPS (%)	35%	129%	17%	-49%
P/E (x)	1.4	1.6	6.3	12.3
P/B (x)	2.00	3.07	5.27	
ROE (%)	0.8	1.2	3.1	
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	24%	46%	68%	

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	60%
GDTB 3 tháng (tỷ VNĐ)	300
Sở hữu nước ngoài	15.34
Cổ đông lớn	Đào Hữu Huyền (18.5%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	9	-22	-22	-3
Tương đối	10	-2	-4	28

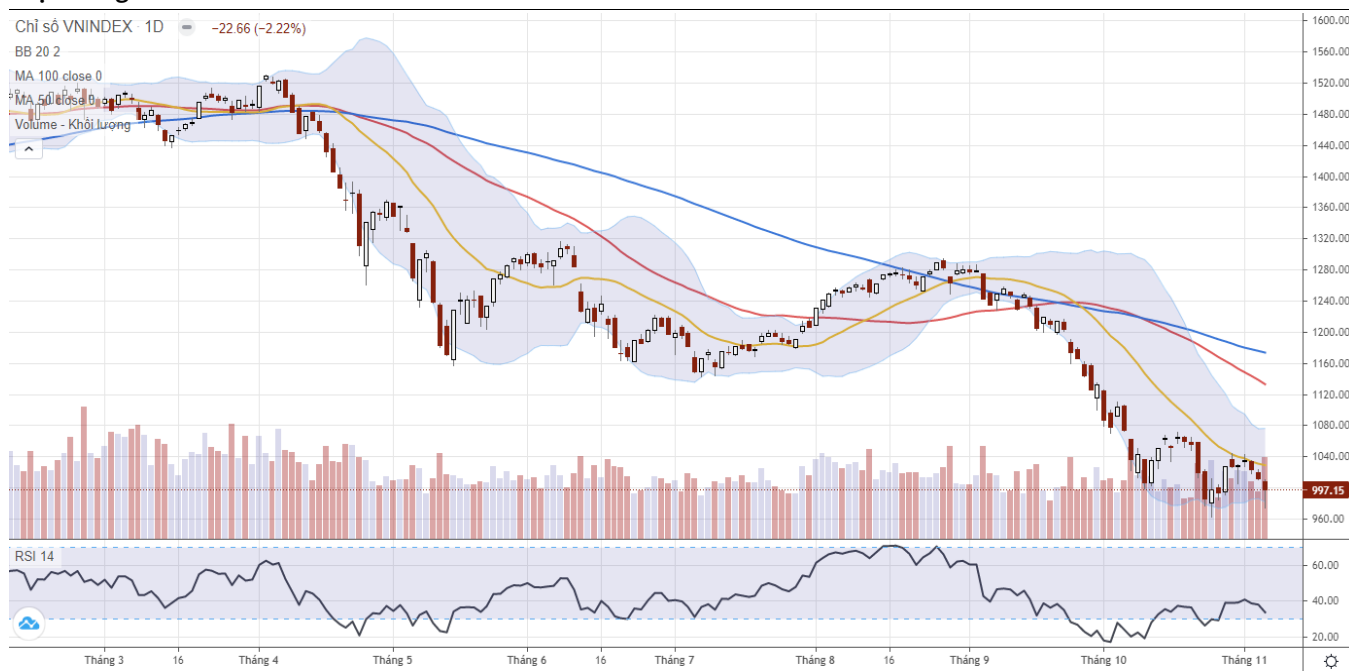


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



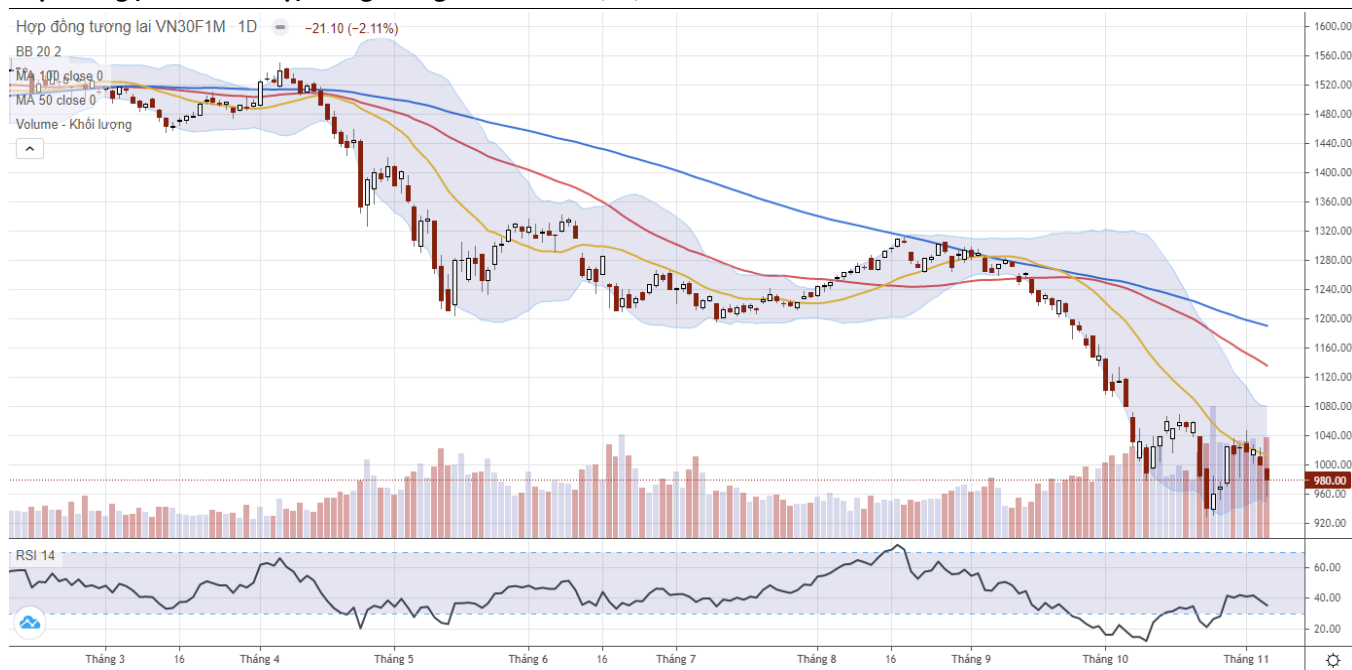
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex lao dốc mạnh trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại một phần thành quả đã mất về cuối phiên.
- Thanh khoản gia tăng trong phiên cơ cấu danh mục đầu tư của các quỹ khiến cho việc hình thành mẫu nến rút chân trong phiên hôm nay có phần kém tin cậy hơn. Trong kịch bản tiêu cực nếu VNIndex đánh mất hoàn toàn ngưỡng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 980 (+5), rủi ro phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
- NĐT được khuyến nghị khống chế tỷ trọng ở mức an toàn và chỉ mở mua trở lại nếu vùng hỗ trợ đã đề cập tiếp tục được bảo lưu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1010 - 1013

Kháng cự gần: 995 - 1000

Hỗ trợ gần: 970 - 975

Hỗ trợ xa: 954 - 958

- F1 lao dốc mạnh trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại một phần thành quả đã mất về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ 960 (+5) đã giúp cho chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu trong phiên. Mặc dù vậy, nếu F1 không sớm vượt lên trên vùng 990 (+5) hiện đã đảo vai trò trở thành vùng kháng cự gần của chỉ số, rủi ro phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG quanh ngưỡng hỗ trợ nhưng đặt STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

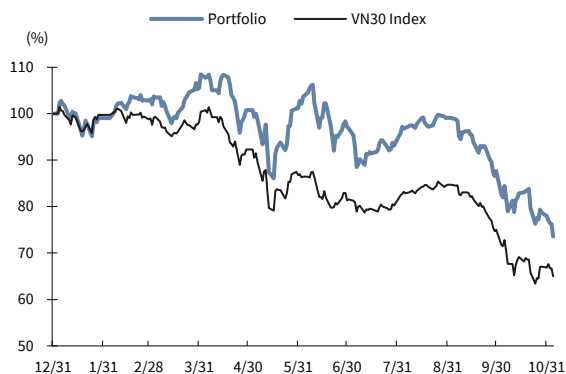
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.53%	-3.55%
Tăng lũy kế (YTD)	-35.02%	-26.43%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	46,050	-7.0%	19.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	17,000	-4.5%	-40.4%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	94,900	-7.0%	23.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	136,300	-1.6%	-29.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	70,100	-6.9%	137.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	72,900	-1.6%	200.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	24,500	3.8%	29.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,000	-0.4%	51.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	14,650	-3.6%	31.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbác City Development (KBC)	09/03/2020	16,500	-6.8%	60.6%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	0.0%	55.5%	82.9
DGC	-3.0%	15.2%	38.6
VHM	-1.1%	22.9%	32.4
CTG	3.8%	26.9%	23.5
OCB	0.4%	21.6%	21.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-3.6%	19.7%	-59.2
HDB	-3.8%	18.1%	-52.1
GMD	3.0%	47.8%	-42.6
KBC	-6.8%	16.9%	-40.7
VCB	-1.6%	23.6%	-36.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-4.1%	11.9%	3.6
TNG	-6.1%	4.6%	1.1
PVI	-0.5%	58.8%	0.9
IVS	-3.6%	71.8%	0.7
MBS	-6.1%	0.7%	0.2
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	-6.9%	0.4%	-2.5
SHS	-3.7%	5.6%	-0.4
TVD	-6.0%	3.3%	-0.2
THD	-0.5%	1.2%	-0.1
BII	-9.1%	0.0%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	4.7%	TMS, SCS, STG, ASG
Bao bì & đóng gói	3.2%	TDP, SVI, MCP, TPC
Cơ sở hạ tầng & vận tải	3.1%	GMD, LGC, CII, HAH
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	3.0%	TNH, JVC, VMD
Tiện ích khí	1.8%	GAS, PGD, PMG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-12.9%	MWG, FRT, CTF, HAX
Kim loại & khai thác	-12.2%	HPG, HSG, NKG, KSB
Tập đoàn công nghiệp	-11.9%	REE, BCG, PET, EVG
Máy móc	-9.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-8.0%	PNJ, TCM, MSH, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	7.6%	TMS, SCS, STG, ASG
Tiện ích khí	3.7%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	0.2%	VCB, BID, VPB, TCB
Thực phẩm	0.0%	VNM, MSN, KDC, VHC
Đồ uống	-0.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-30.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Dịch vụ tài chính	-26.8%	EVF, OGC
Kim loại & khai thác	-25.5%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	-24.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Chứng khoán	-18.7%	SSI, VND, HCM, VCI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	76,571 (3.1)	22.5	22.1	20.6	14.7	8.8	9.2	2.0	1.8	-1.5	-2.5	-4.7	-42.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	147,977 (6.1)	26.6	6.3	5.2	35.9	22.2	22.0	1.3	1.1	-1.1	-0.9	12.1	-45.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	34,841 (1.4)	17.8	22.9	16.3	-7.6	8.1	10.6	1.8	1.7	0.0	9.7	-2.6	-13.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	149,482 (6.1)	31.3	21.3	17.8	6.7	14.1	15.2	2.9	2.6	-7.0	17.4	27.0	-34.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	49,944 (2.0)	11.6	10.8	10.4	13.7	13.0	12.4	1.3	1.1	-6.9	-6.7	18.0	-53.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	131,225 (5.4)	13.9	8.1	6.5	-	10.4	11.5	0.6	0.6	-6.6	-6.3	28.3	-63.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	80,984 (3.3)	6.3	12.7	10.8	11.7	22.0	22.0	2.5	2.1	-1.6	0.3	0.7	-8.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	45,580 (1.9)	12.7	11.7	9.4	-5.3	17.4	18.5	1.7	1.4	0.9	-1.5	7.4	-10.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	219,902 (9.0)	0.0	4.2	3.6	14.3	20.9	19.5	0.8	0.6	-1.4	4.5	15.8	-49.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	143,379 (5.8)	1.4	6.6	5.6	50.3	18.5	19.6	1.1	1.0	3.8	1.9	18.1	-27.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	226,461 (9.3)	0.0	6.1	6.1	18.8	19.7	16.9	1.1	0.9	-3.1	3.7	0.9	-29.0
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	228,616 (9.4)	0.0	4.7	4.0	14.6	24.5	22.9	1.0	0.8	1.4	1.4	-4.8	-25.7
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	35,997 (1.5)	4.2	4.9	4.3	23.3	23.1	21.6	1.1	0.9	-3.8	-6.7	16.8	-37.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	350,361 (14.3)	14.0	7.7	2.6	26.5	12.5	24.9	0.8	0.6	-3.8	2.8	11.5	-47.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	72,090 (2.9)	0.0	5.5	4.3	37.4	21.6	21.5	1.1	0.8	0.2	2.2	10.5	-48.1
Bảo hiểm	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	57,039 (2.3)	0.2	15.3	13.1	27.3	16.0	16.2	2.0	1.8	-6.7	17.1	0.5	-3.1
	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	42,567 (1.7)	21.0	17.5	14.2	15.8	9.9	11.5	1.6	1.6	-4.6	-4.8	3.7	-10.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,115 (0.3)	14.2	11.0	9.8	9.1	12.8	13.6	1.2	1.1	-6.8	11.0	12.2	-49.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	296,653 (12.1)	55.4	9.2	8.4	-3.2	15.2	13.1	-	-	-7.0	-3.5	13.8	-68.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	175,577 (7.2)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-6.9	0.6	-2.1	-55.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	97,592 (4.0)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	-1.9	7.8	-2.8	-54.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	288,280 (11.8)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	-6.3	-4.3	27.3	-66.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	143,488 (5.9)	42.1	19.0	17.0	4.0	27.7	29.6	4.9	4.7	0.0	2.6	12.8	-7.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,438 (1.2)	36.9	23.4	20.2	7.3	22.4	22.9	4.8	4.3	0.0	-2.2	-3.2	20.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	110,315 (4.5)	16.5	22.2	15.9	-51.9	14.5	17.6	3.1	2.7	-1.3	0.5	-6.9	-40.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,692 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	0.2	20.1	-65.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	32,719 (1.4)	11.0	42.3	26.8	-88.5	7.5	16.4	-	-	-2.5	-7.1	11.3	-22.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	40,932 (1.7)	10.8	16.4	14.8	-57.0	13.7	13.9	2.1	2.0	3.0	5.0	0.2	3.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	74,476 (3.1)	38.4	5.2	28.0	65.7	14.3	2.4	0.7	0.7	-6.8	-2.9	11.9	-67.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	156,086 (6.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.9	-5.5	28.0	-70.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	21,118 (0.9)	3.6	35.8	7.1	-52.4	1.0	4.8	-	-	-6.2	10.5	21.2	-64.0
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	42,110 (1.7)	0.0	9.8	9.7	-4.5	16.4	15.3	1.4	1.2	-6.9	12.2	-4.6	16.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	39,859 (1.6)	46.1	15.2	16.2	-17.5	24.5	21.0	3.6	3.3	-0.4	1.8	4.7	15.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	36,704 (1.5)	31.4	9.4	9.1	-10.5	18.2	16.8	1.5	1.4	0.2	-8.7	-7.7	-8.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,278 (0.1)	34.1	16.4	7.4	-5.1	4.7	9.9	0.9	0.9	-0.7	-9.7	-	-42.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	544,492 (22.2)	18.0	3.8	3.3	21.9	21.4	20.5	0.8	0.7	-3.6	-	-	-59.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	131,278 (5.4)	36.5	3.4	5.1	-0.5	40.1	23.5	1.2	1.1	-2.6	-8.1	-1.4	-18.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	155,999 (6.4)	46.5	4.5	6.9	-4.5	41.5	22.9	1.6	1.4	-4.7	-8.9	-1.0	-20.4
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	148,569 (6.1)	38.9	4.7	4.0	67.9	11.8	12.9	0.5	0.4	-6.7	-9.4	-	-64.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	19,385 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-6.0	-5.5	-	-63.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	31,402 (1.3)	4.6	19.1	10.4	-51.0	6.3	11.7	1.2	1.8	-1.5	-0.7	-	-46.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	188,275 (7.7)	39.9	121.8	15.7	-11.9	0.3	4.2	0.6	0.6	-2.3	-8.1	-9.4	-24.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	27,570 (1.1)	35.9	7.2	7.2	2.2	13.1	12.2	-	0.7	-1.2	-0.6	-5.6	-29.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	165,947 (6.8)	0.0	12.1	8.8	14.4	24.6	28.5	2.3	1.9	-7.0	-	-	-32.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	32,416 (1.3)	0.0	13.1	11.4	2.4	24.2	21.7	2.6	2.2	-7.0	-8.5	-3.7	-1.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,099 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-	-	-57.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	145,307 (5.9)	30.3	16.2	13.0	-75.2	27.8	25.6	3.7	2.9	-5.1	-	-	8.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	25,529 (1.0)	34.6	6.5	5.6	41.2	28.8	23.5	1.5	1.4	-6.3	-6.0	-	-46.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	884 (0.0)	45.4	13.4	12.4	10.7	21.3	20.6	-	-	-1.1	-3.1	0.2	-25.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	87,009 (3.6)	0.0	14.9	12.1	15.5	28.5	29.2	3.9	3.2	-1.6	-2.8	-5.9	-5.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Nguyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.